

BỘ XÂY DỰNG
-----o0o-----

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHÔN LẤP
RÁC THẢI ĐÔ THỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số:13/2007/QĐ-BXD
ngày 23 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

HÀ NỘI - 2007

PHẦN I

THUYẾT MINH VÀ QUI ĐỊNH ÁP DỤNG

1. Nội dung định mức

Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị qui định định mức hao phí cần thiết về vật tư, vật liệu, nhân công và xe máy thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

Trong đó:

a) Mức hao phí vật tư, vật liệu: là số lượng vật tư, vật liệu cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

b) Mức hao phí nhân công: là số lượng ngày công lao động cần thiết của công nhân trực tiếp thực hiện để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

c) Mức hao phí xe máy: là số lượng ca xe máy thiết bị cần thiết trực tiếp sử dụng để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

2. Các căn cứ xác lập định mức

- Quy trình kỹ thuật thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị hiện đang áp dụng phổ biến ở các đô thị.

- Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05/10/2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị.

- Số liệu về tình hình sử dụng lao động, trang thiết bị xe máy, kỹ thuật cũng như kết quả ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

3. Kết cấu của tập định mức

Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

4. Qui định áp dụng

- Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị áp dụng thống nhất trong cả nước và là căn cứ để xác định giá dự toán dịch vụ công ích đô thị đối với công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

- Trường hợp công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị của địa phương có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện khác với qui định trong tập định mức này hoặc những loại công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị chưa được qui định định mức thì thu gom, vận

chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị Sở Giao thông Công chính phối hợp với Sở Xây dựng (đối với các Thành phố trực thuộc Trung ương) hoặc Sở Xây dựng (đối với các Tỉnh) tiến hành điều chỉnh định mức hoặc xác lập định mức mới để trình UBND Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương ban hành áp dụng. Sau khi quyết định việc điều chỉnh hoặc bổ sung định mức thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị, UBND Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Xây dựng để theo dõi, kiểm tra.

- Việc chuyển tiếp áp dụng định mức thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị cho những hợp đồng thực hiện dịch vụ đã ký do UBND Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định sau khi có sự thoả thuận của đơn vị thực hiện dịch vụ nhưng phải phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương và phương thức của hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

PHẦN II

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN

CHƯƠNG I

CÔNG TÁC QUÉT, GOM RÁC TRÊN HÈ, ĐƯỜNG PHỐ BẰNG THỦ CÔNG

MT1.01.00 Công tác gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Đẩy xe dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên hè phố, xúc hết rác trên đường phố trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc.
- Vận chuyển, trung chuyển xe gom rác về đến địa điểm tập trung rác theo qui định.
- Cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông.
- Vệ sinh tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi qui định.

Bảng số 1

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.01.00	Công tác gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	công	2,00

Ghi chú:

- Định mức tại Bảng số 1 áp dụng cho các tuyến phố có yêu cầu gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công.
- Định mức tại Bảng số 1 áp dụng cho công tác quét, gom rác gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công với qui định thực hiện 2 bên lề.
- Định mức tại Bảng số 1 qui định hao phí nhân công công tác gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công của đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:
 - + Đô thị loại I: $K = 0,95$
 - + Đô thị loại II: $K = 0,85$
 - + Các loại đô thị loại III ÷ V $K = 0,80$

MT1.02.00 Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển đến nơi làm việc.
- Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đồng nhỏ.
- Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có).
- Thu gom rác đồng trên đường phố, vỉa hè.
- Hót xúc rác, cát bụi vào xe gom rác đẩy tay.
- Vận chuyển về địa điểm qui định để chuyển sang xe cơ giới.
- Dọn sạch rác tại các điểm qui định sau khi chuyển sang xe cơ giới.
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi qui định.

Bảng số 2

Đơn vị tính: 10.000m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.02.00	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	công	2,50

Ghi chú:

- Thời gian làm việc từ 18h00 ÷ 22h00 và kết thúc vào 6h00 sáng hôm sau.

- Định mức tại Bảng số 2 áp dụng cho công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công với qui trình nghiệm thu khối lượng diện tích quét, gom rác trên toàn bộ vỉa hè và 3m lòng đường mỗi bên đường kể từ mép ngoài của rãnh thoát nước.

- Định mức tại Bảng số 2 qui định hao phí nhân công công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công của đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: $K = 0,95$
- + Đô thị loại II: $K = 0,85$
- + Các loại đô thị loại III ÷ V $K = 0,80$

MT1.03.00 Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển đến nơi làm việc.
- Đặt biển báo công tác. Dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m.
- Vun gọn thành đống, xúc lên xe gom. Đối với dải phân cách mềm: luôn chổi qua kẽ các thanh chắn quét sạch cả phần đường đặt dải phân cách.
- Vận chuyển về địa điểm qui định.
- Cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông.
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi qui định.

Bảng số 3

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.03.00	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	công	1,30

Ghi chú:

- Thời gian làm việc từ 18h00 ÷ 22h00 và kết thúc vào 6h00 sáng hôm sau.

- Định mức tại Bảng số 3 áp dụng cho công tác duy trì dải phân cách tại các đô thị có yêu cầu duy trì dải phân cách trên đường phố (dải phân cách cứng, dải phân cách mềm).

- Định mức tại Bảng số 3 qui định hao phí nhân công công tác duy trì dải phân cách của đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:

+ Đô thị loại I: K = 0,95

+ Đô thị loại II: K = 0,85

+ Các loại đô thị loại III ÷ V K = 0,80

MT1.04.00 Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Dùng xẻng, chổi tua sạch thành vỉa và vỉa. Dùng chổi gom rác ở miệng hàm ếch và dùng xẻng gom, xúc rác ở miệng hàm ếch.
- Dọn sạch rác, phế thải ở gốc cây, cột điện (khối lượng phế thải <0,5m³) (nếu có); bấm nhỏ cỏ xung quanh (nếu có); phát cây 2 bên vỉa hè (nếu có).
- Vận chuyển về địa điểm qui định.
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi qui định.

Bảng số 4

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.04.00	Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	công	1,20

Ghi chú:

- Định mức tại Bảng số 4 qui định hao phí nhân công công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch của đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: K = 0,95
- + Đô thị loại II: K = 0,85
- + Các loại đô thị loại III ÷ V K = 0,80

MT1.05.00 Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Đẩy xe gom rác dọc ngõ, gõ kèng và thu rác nhà dân.
- Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom.
- Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên xe gom và đẩy xe gom về vị trí qui định.
- Đối với những ngõ rộng, có vỉa hè, rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua vỉa, rãnh và xúc lên xe gom; Dùng chổi quét, gom rác trên hè, trên ngõ.
- Vận chuyển về địa điểm qui định.
- Đảm bảo an toàn giao thông.
- Vận động, tuyên truyền nhân dân chấp hành qui định về vệ sinh.
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi qui định.

Bảng số 5

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.05.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	công	1,90

Ghi chú:

- Định mức tại Bảng số 5 áp dụng cho công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm có chiều rộng $\geq 1,5m$.
- Định mức tại Bảng số 5 qui định hao phí nhân công công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công của đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:
 - + Đô thị loại I: $K = 0,95$
 - + Đô thị loại II: $K = 0,85$
 - + Các loại đô thị loại III ÷ V $K = 0,80$

MT1.06.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Cào rác từ bể chứa rác hoặc đồng rác, xúc lên xe ô tô, quét dọn xung quanh bể rác và đồng rác, phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- Cuối ca vệ sinh dụng cụ, phương tiện xúc rác, cất vào nơi qui định.

Bảng số 6

Đơn vị tính: 1 tấn rác sinh hoạt

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.06.00	Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,80

MT1.07.00 Công tác xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Cào, cuốc làm tơi phế thải xây dựng và tiến hành xúc phế thải xây dựng lên xe ô tô, san gạt đất đều trên thùng xe, phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- Vệ sinh sạch sẽ tại vị trí đã được thu dọn phế thải.
- Cuối ca vệ sinh dụng cụ, phương tiện xúc rác, cất vào nơi qui định.

Bảng số 7

Đơn vị tính: 1 tấn phế thải xây dựng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.07.00	Công tác xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,45

CHƯƠNG II

CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC SINH HOẠT, PHẾ THẢI XÂY DỰNG VÀ RÁC Y TẾ BẰNG CƠ GIỚI

MT2.01.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 10 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Nạp rác từ xe thô sơ (xe đẩy tay) vào máng hứng, ép vào xe.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe ép.
- Điều khiển xe về địa điểm đổ rác.
- Cân và đổ rác tại địa điểm đổ rác.
- Di chuyển xe ép về điểm đỗ.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 8

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe ép		
				2 tấn	4 tấn	7 tấn
MT2.01.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 10 km	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7 <u>Máy thi công:</u> Xe ép rác	công	0,376	0,236	0,137
			ca	0,188	0,121	0,070
				01	02	03

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
5 km	0,90
15 km	1,05

MT2.02.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Nạp rác từ xe thô sơ (xe đẩy tay) vào máng hứng, ép vào xe.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe ép.
- Điều khiển xe về địa điểm đổ rác.
- Cân và đổ rác tại địa điểm đổ rác.
- Di chuyển xe ép về điểm đỗ.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 9

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe ép		
				4 tấn	7 tấn	10 tấn
MT2.02.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,245	0,227	0,200
		<u>Máy thi công:</u> Xe ép rác	ca	0,0840	0,0758	0,0558
				01	02	03

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
25 km	1,11
30 km	1,22
35 km	1,30
40 km	1,38
45 km	1,45
50 km	1,51
55 km	1,57
60 km	1,62
65 km	1,66

MT2.03.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và rác sinh hoạt tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 10 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Kéo thùng trên vỉa hè, điểm tập kết thùng tại cơ sở y tế, nạp rác từ thùng vào máng hứng, ép vào xe.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe ép.
- Điều khiển xe về địa điểm đổ rác.
- Cân và đổ rác tại địa điểm đổ rác.
- Di chuyển xe ép về điểm đỗ.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 10

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe ép			
				1,2 tấn	2 tấn	4 tấn	7 tấn
MT2.03.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và rác sinh hoạt tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 10 km	<u>Vật tư, vật liệu:</u>	cái	0,0044	0,0044	0,0044	0,0044
		- Thùng rác nhựa					
		<u>Nhân công:</u>	công	0,5560	0,3900	0,3475	0,3035
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7					
		<u>Máy thi công:</u>	ca	0,2780	0,1950	0,1330	0,1012
		Xe ép rác					
				01	02	03	04

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
5 km	0,90
15 km	1,05

MT2.04.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và rác sinh hoạt tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Kéo thùng trên vỉa hè, điểm tập kết thùng tại cơ sở y tế, nạp rác từ thùng vào máng hứng, ép vào xe.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe ép.
- Điều khiển xe về địa điểm đổ rác.
- Cân và đổ rác tại địa điểm đổ rác.
- Di chuyển xe ép về điểm đỗ.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 11

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe ép			
				2 tấn	4 tấn	7 tấn	10 tấn
MT2.04.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	<u>Vật tư, vật liệu:</u>	cái	0,0044	0,0044	0,0044	0,0044
		- Thùng rác nhựa					
		<u>Nhân công:</u>	công	0,416	0,278	0,198	0,188
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7					
		<u>Máy thi công:</u>	ca	0,2604	0,1748	0,1309	0,0980
		Xe ép rác					
				01	02	03	04

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
25 km	1,11
30 km	1,22
35 km	1,30
40 km	1,38
45 km	1,45
50 km	1,51
55 km	1,57
60 km	1,62
65 km	1,66

MT2.05.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt bằng xe tải chở thùng rác ép kín (hooklip) với cự ly thu gom và vận chuyển bình quân 30 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu rác.
- Nạp rác từ các xe thô sơ hoặc các thùng chứa rác vào thùng ép.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên thùng ép.
- Điều khiển nạp rác đến lúc rác đầy thùng ép kín.
- Điều khiển xe về bãi đổ.
- Cân và đổ rác tại bãi đổ rác.
- Tiếp tục công tác đến hết ca làm việc.
- Hết ca di chuyển xe về địa điểm tập kết xe và vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 12

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT2.05.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt bằng xe tải chở thùng rác ép kín (hooklip) với cự ly thu gom và vận chuyển bình quân 30 km	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,360
		<u>Máy thi công:</u> Xe tải chở thùng rác ép kín (hooklip)	ca	0,0714

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
20 km	0,80
25 km	0,90
35 km	1,12
40 km	1,25
45 km	1,35
50 km	1,43
55 km	1,50
60 km	1,56

MT2.06.00 Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm đặt thùng.
- Xếp thùng ngay ngắn, đúng vị trí đặt thùng.
- Dùng giẻ lau, bàn chải cước, xà phòng cọ rửa thùng.
- Lau khô bên ngoài thùng, xịt thuốc khử mùi bên trong thùng.
- Tiếp tục công việc cho đến hết ca làm việc.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 13

Đơn vị tính: 100 thùng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT2.06.00	Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt	<u>Nhân công:</u> - Công nhân phổ thông: cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	1,90

MT2.07.00 Công tác thu gom, vận chuyển rác y tế, bệnh phẩm của các cơ sở y tế về khu xử lý với cự ly bình quân 65 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu rác.
- Kéo thùng nhựa từ kho chứa rác y tế, rác bệnh phẩm của các bệnh viện, cơ sở y tế ra ngoài để cân, xác định khối lượng và chuyển lên xe. Chuyển các thùng sạch từ xe vào vị trí cũ.
- Đối với thùng chứa rác y tế, bệnh phẩm bằng carton: dựng, dán thùng; mở thùng rác y tế, bệnh phẩm cho vào thùng carton. Dán thùng carton đưa lên bàn cân xác định khối lượng chuyển lên xe.
- Thu gom đến khi hết rác y tế, bệnh phẩm.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc đầy xe.
- Điều khiển xe về khu xử lý, bốc xuống, giao cho nhân viên kho. Ghi sổ số lượng, khối lượng.
- Tiếp tục công việc cho đến hết ca làm việc.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 14

Đơn vị tính: 1 tấn rác y tế, bệnh phẩm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại thùng	
				Nhựa	Carton
MT2.07.00	Công tác thu gom, vận chuyển rác y tế, bệnh phẩm của các cơ sở y tế về khu xử lý	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	4,651	5,583
		<u>Máy thi công:</u> Xe tải thùng kín 1,5T	ca	2,326	2,792
				01	02

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
40 km	0,65
50 km	0,80
60 km	0,95
70 km	1,05
80 km	1,25

MT2.08.00 Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân 10 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải xây dựng.
- Xúc phế thải xây dựng lên thùng xe.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc đầy xe.
- San, cào phế thải xây dựng, phủ bạt, buộc dây
- Điều khiển xe về bãi đổ.
- Cân và đổ phế thải xây dựng tại bãi đổ.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 15

Đơn vị tính: 1 tấn phế thải xây dựng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tải trọng của xe		
				1,2 tấn	2 tấn	4 tấn
MT2.08.00	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân 10 km	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,596	0,596	0,596
		<u>Máy thi công:</u> Xe tải	ca	0,247	0,149	0,114
				01	02	03

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
5 km	0,82
15 km	1,18
20 km	1,40
25 km	1,60

MT2.09.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc rác.
- Lái xe xúc điều khiển, vun gọn lượng rác vào điểm tập trung.
- Xúc rác lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe.
- Điều khiển gầu xúc vun gọn rác trên xe tải ben.
- Tiếp tục xúc rác cho các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Bảng số 16

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT2.09.00	Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,0089
		<u>Máy thi công:</u> Máy xúc công suất 16T/giờ	ca	0,0089

MT2.10.00 Công tác xúc phế thải xây dựng tại các điểm tập kết tập trung bằng cơ giới

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc phế thải xây dựng.
- Lái xe xúc điều khiển, vun gọn phế thải xây dựng.
- Xúc phế thải xây dựng lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe.
- Điều khiển gàu xúc vun gọn rác trên xe tải ben.
- Tiếp tục xúc rác các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Bảng số 17

Đơn vị tính: 1 tấn phế thải xây dựng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT2.10.00	Công tác xúc phế thải xây dựng tại các điểm tập kết tập trung bằng cơ giới	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,0071
		<u>Máy thi công:</u> Máy xúc công suất 16T/giờ	ca	0,0071

MT2.11.00 Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân 20 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm lấy rác.
- Đợi cho đến khi được xúc đầy rác, vun gọn rác trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy.
- Điều khiển xe về bãi đổ.
- Cân và đổ rác tại bãi đổ rác.
- Di chuyển xe ép về điểm đỗ.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Bảng số 18

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trọng tải xe	
				7 tấn	10 tấn
MT2.11.00	Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân 20 km .	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,056	0,052
		<u>Máy thi công:</u> Xe tải	ca	0,056	0,052
				01	02

Ghi chú: Khi cự ly vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
15 km	0,78
25 km	1,25
30 km	1,40
35 km	1,53
40 km	1,64

MT2.12.00 Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân 20 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm lấy phế thải xây dựng.
- Đợi cho đến khi được xúc đầy phế thải xây dựng, vun gọn phế thải xây dựng trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy.
- Điều khiển xe về bãi đổ.
- Cân và đổ phế thải xây dựng tại bãi đổ.
- Di chuyển xe ép về điểm đổ.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Bảng số 19

Đơn vị tính: 1 tấn phế thải xây dựng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trọng tải xe	
				7 tấn	10 tấn
MT2.12.00	Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân 20 km.	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,052	0,048
		<u>Máy thi công:</u> Xe tải	ca	0,052	0,048
				01	02

Ghi chú: Khi cự ly vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
15 km	0,78
25 km	1,25
30 km	1,40
35 km	1,53
40 km	1,64

MT2.13.00 Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương bằng cơ giới

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm vớt rác.
- Công nhân dùng vợt lưới đứng trên cầu phao vớt rác, dùng sào đẩy rác ra tầm thu của cánh thu rác.
- Gấp túi khi rác đầy, tra móc, điều chỉnh lưới rác lên tàu, công việc được tiếp diễn.
- Khi túi lên tàu được đưa đến vị trí tiếp nhận, thực hiện các thao tác đưa rác vào phương tiện chứa.
- Làm sạch túi lưới, các thao tác được tiếp diễn đến hết ca làm việc.
- Hết ca đưa tàu, ghe về bến đậu vệ sinh phương tiện, giao tàu ghe cho người trực.

Bảng số 21

Đơn vị tính: 10.000m² (diện tích mặt nước)

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Tàu	Ghe
MT2.13.00	Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương bằng cơ giới	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	công	0,741	2,500
		<u>Máy thi công:</u> - Tàu công suất 25CV	ca	0,185	-
		- Ghe công suất 4CV	ca	-	0,833
				01	02

CHƯƠNG III

CÔNG TÁC XỬ LÝ RÁC

MT3.01.00 Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi <500 tấn/ngày.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- Cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khỏi khu vực đổ không còn rác trên xe.
- Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- San ủi rác từ các đồng thành bãi phẳng và đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác.
- Sau một lớp rác vừa đổ lại san ủi một lớp đất, tiến hành đầm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.
- Rắc vôi bột và một số hoá chất để trừ muỗi.
- San ủi rác đến khi hết ca làm việc.
- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.
- Độ dày lớp đất phủ là 0,2m

Bảng số 22

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT3.01.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác với kỹ thuật đơn giản, công suất bãi từ 200 tấn/ngày đến 500 tấn/ngày.	<u>Vật tư, vật liệu:</u>		
		- Vôi bột	tấn	0,00026
		- Đất chôn lấp	m ³	0,15000
		- Hoá chất diệt ruồi	lít	0,00041
		- EM thứ cấp	lít	0,40000
		- Bokashi	kg	0,35000
		<u>Nhân công:</u>		
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,060
		<u>Máy thi công:</u>		
		- Máy ủi 170CV	ca	0,0025
		- Xe bồn 6m ³	ca	0,0020
		- Máy bơm xăng 5CV	ca	0,0010

MT3.02.00 Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi từ 500 tấn/ngày đến 1.500 tấn/ngày.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- Cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khỏi khu vực đổ không còn rác. Kiểm tra cảm quang các loại rác không được phép chôn lấp.
- Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không ùn tắc và xa lầy.
- San ủi rác từ các đồng thành bãi phẳng và đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác.
- Sau một lớp rác vừa đổ lại san ủi một lớp đất, tiến hành đầm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.
- Rắc vôi bột và một số hoá chất để trừ muỗi.
- Phun xịt chế phẩm vi sinh (EM) khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.
- San ủi rác đến khi hết ca làm việc.
- Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Có hệ thống xử lý nước rác theo phương pháp sinh học
- Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.

Bảng số 23

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT3.02.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác với kỹ thuật hợp vệ sinh, công suất bãi từ 500 tấn/ngày đến 1.500 tấn/ngày.	<u>Vật tư, vật liệu:</u>		
		- Vôi bột	tấn	0,00025
		- Đất chôn lấp	m ³	0,15000
		- Hoá chất diệt ruồi	lít	0,00041
		- EM thứ cấp	lít	0,60000
		- Bokashi	kg	0,24600
		- Permethin	lít	0,00040
		- Basudin 40ND	lít	0,00016
		- DDVP	lít	0,00086
		- Sumithion 50EL	lít	0,00050
		<u>Nhân công:</u>		
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,047
		<u>Máy thi công:</u>		
		- Máy ủi 170CV	ca	0,0025
		- Xe bồn 6M3	ca	0,0002
		- Bơm xăng 3CV	ca	0,0010
		- Bơm điện 5KW	ca	0,0005

MT3.03.00 Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi >1.500 tấn/ngày.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- Đổ rác theo phương pháp đổ lán và chiều dày lớp rác là 2m, riêng lớp rác đầu tiên phải tạo đường dẫn xuống đáy bãi. Xi nhan cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không ùn tắc và sa lầy.
- Các xe ô tô vào đổ rác thành từng tầng đồng theo đúng vị trí do công nhân điều hành bãi hướng dẫn, được máy ủi xích san gạt và máy đầm chuyên dùng đầm từ 8-10 lần tạo thành các lớp rác chặt.
- Sử dụng máy ủi san gạt bề mặt bãi, đảm bảo ô tô chở rác có thể đi lại dễ dàng trên bề mặt.
- Sau khi tạo lớp rác đầy đúng tiêu chuẩn phải phủ đất lên trên mặt (đỉnh và taluy) toàn bộ diện tích rác đã đổ, đất phủ phải được san đều trên bề mặt rác và đầm nén kỹ trước khi đổ lớp rác khác lên phía trên.
- Kiểm tra san lấp các khu vực bị lún, lở trên toàn khu vực bãi; San gạt tạo mặt bằng mái, tạo độ dốc thoát nước sửa chữa lại nền đường.
- Xử lý rác bằng EM và Bokashi theo qui trình kỹ thuật tiêu chuẩn.
- Đảm bảo công tác duy trì thông thoát khí ga đối với các ô bắt đầu và đang trong quá trình chôn lấp rác cũng như các ô khi đóng bãi tạm thời
- Bơm hút nước rác từ ô chôn lấp về hồ sinh học.
- Đắp bờ bao, làm đường công vụ vào đổ rác để đảm bảo cho xe vào đổ rác.
- Xử lý hoá chất trên phạm vi toàn bãi cũng như khu dân cư lân cận theo đúng qui định, rắc vôi bột tại các vị trí nhằm hạn chế phát sinh ruồi muỗi.
- Nhặt rác, làm vệ sinh đoạn đường vào bãi xe ô tô, tưới nước chống bụi các khu vực bãi, đường dẫn vào bãi.
- Vệ sinh các phương tiện, dụng cụ, rửa bánh xe trước khi ra khỏi bãi tập kết về địa điểm qui định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Bãi chôn lấp có yêu cầu kỹ thuật cao, có hệ thống xử lý nước của rác theo phương pháp sinh học.
- Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.

Bảng số 24

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT3.03.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác với kỹ thuật hợp vệ sinh, công suất bãi > 1.500 tấn/ngày.	<u>Vật tư, vật liệu:</u>		
		- Vôi bột	kg	0,00920
		- Đất chôn lấp	m3	0,38600
		- Hoá chất diệt ruồi	lít	0,00210
		- EM thứ cấp	lít	1,03750
		- Bokashi	kg	0,24600
		- Đá dăm cấp phối	m3	0,00090
		- Đá 4x6	m3	0,00090
		- Đá hộc	m3	0,00124
		- Bạt phủ	m2	0,4600
		<u>Nhân công:</u>		
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,09342
		<u>Máy thi công:</u>		
		- Máy ủi 240CV	ca	0,00520
		- Máy đầm 335 CV	ca	0,00125
		- Máy đào 0,8m3	ca	0,00095
		- Máy đóng cọc 1,8T	ca	0,00008
		- Máy lu 10T	ca	0,00001
		- Máy đầm 9T	ca	0,00010
		- Máy xúc 1,65 m3	ca	0,00040
		- Ôtô 2 T	ca	0,00036
		- Ôtô 10 T	ca	0,00200
		- Xe bồn 16m3	ca	0,00203
		- Bơm xăng 5,5 CV	ca	0,00100
		- Bơm điện 5 KW	ca	0,00200
		- Bơm điện 3 KW	ca	0,00188
		- Bơm điện 2,5 KW	ca	0,00100
		- Bơm điện 0,125 KW	ca	0,00031

MT3.04.00 Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp với công suất bãi <500 tấn/ngày.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- Hướng dẫn cho xe ra vào bãi, đảm bảo không gây ùn tắc và xa lầy.

Xe ủi rác thải xây dựng thành đồng để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác thải xây dựng.

- Phun xịt nước chống bụi hàng ngày
- San ủi rác thải xây dựng đến khi hết ca làm việc
- Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác
- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Bảng số 25

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT3.04.00	Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp với công suất bãi < 500 tấn/ngày .	<u>Nhân công:</u>		
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,0490
		<u>Máy thi công:</u>		
		- Máy ủi 140CV	ca	0,00185
		Xe bồn nước 16m ³	ca	0,00190

CHƯƠNG IV

CÔNG TÁC XỬ LÝ RÁC Y TẾ

MT4.01.00 Công tác xử lý rác y tế, bệnh phẩm bằng lò gas

Thành phần công việc:

** Đốt rác y tế, bệnh phẩm*

- Kiểm tra các thiết bị an toàn của lò đốt, khởi động các hệ thống, thực hiện giai đoạn hâm nóng lò đốt.

- Chuyển thùng nhựa hoặc thùng carton chứa rác y tế, rác bệnh phẩm trong lò đến các vị trí nạp rác của lò đốt.

- Vận hành hệ thống cấp thùng đổ rác y tế vào buồng nạp của lò.

- Rửa các thùng chứa rác bằng nhựa và đưa vào vị trí qui định.

- Theo dõi, nạp hoá chất đầy đủ vào phễu để xử lý khói.

- Sau mỗi đợt đốt, cào tro vào 2 thùng tôn ở sau cửa lò. Tưới nước làm nguội tro, cho vào các túi nhựa, cột chặt và đưa vào các xuống có nắp đậy để lưu chứa. Tiếp tục đốt các đợt tiếp theo.

- Kết thúc ca làm việc, vệ sinh các thiết bị của lò.

** Chôn tro*

- Vận chuyển tro đến bãi chôn lấp tại nghĩa trang

- Đào hố chôn; lót tấm nylon chống thấm; rắc vôi bột bề mặt và lấp đất kín; đóng cọc mốc.

- Vệ sinh cá nhân và phương tiện làm việc.

Bảng số 26

Đơn vị tính: 1 tấn rác y tế, rác bệnh phẩm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT4.01.00	Công tác xử lý rác y tế, bệnh phẩm bằng lò gas.	<u>Vật tư, vật liệu:</u>		
		- Gas	kg	202,0000
		- Điện	kw	199,1000
		- Bicarbonat (NaHCO ₃)	kg	124,9200
		- Than hoạt tính	kg	2,00000
		- Bao nylon	bao	2,85710
		<u>Nhân công:</u>		
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	8,300
		<u>Máy thi công:</u>		
		- Lò đốt bằng gas	ca	0,1430

CHƯƠNG V

CÔNG TÁC QUÉT RÁC TRÊN ĐƯỜNG PHỐ VÀ TƯỚI NƯỚC RỬA ĐƯỜNG BẰNG CƠ GIỚI

MT5.01.00 Công tác quét đường bằng cơ giới

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động
- Di chuyển xe ô tô quét hút tới địa điểm cần quét.
- Bật đèn công tác, kiểm tra các thông số trước khi cho xe vận hành.
- Vận hành ô tô quét với tốc độ qui định.
- Khi rác đầy thì tiến hành đổ phế thải đúng nơi qui định.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

Bảng số 27

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe	
				5m3	7m3
MT5.01.00	Công tác quét đường phố bằng cơ giới	<u>Vật tư:</u> - Chổi xe quét	bộ	0,006	0,004
		<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	-	0,050
		<u>Máy thi công:</u> - Ô tô quét	ca	0,077	0,050
				01	02

Ghi chú:

- Định mức tại Bảng số 27 qui định hao phí nhân công và máy thi công công tác quét đường phố bằng cơ giới của đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức nhân công và máy thi công được điều chỉnh theo các hệ số sau:

- | | |
|--------------------------------|----------|
| + Đô thị loại I: | K = 0,95 |
| + Đô thị loại II: | K = 0,85 |
| + Các loại đô thị loại III ÷ V | K = 0,80 |

MT5.02.00 Công tác tưới nước rửa đường

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động
- Di chuyển xe téc đến lấy nước đúng tuyến qui định, kiểm tra van khoá trước khi hứng nước.
- Để miệng téc đúng họng nước, khi téc đầy khoá van họng nước, đây nắp téc, khoá chặt.
- Tiến hành phun tưới nước rửa đường theo đúng lộ trình qui định.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

Bảng số 28

Đơn vị tính: 1m³ nước

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe	
				5m3	7m3
MT5.02.00	Công tác tưới nước rửa đường	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,024	0,022
		<u>Máy thi công:</u> - Ôtô tưới nước	ca	0,024	0,022
				01	02

MT5.03.00 Công tác vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ.
- Kiểm tra cầu dao, hệ thống đường ống, máy bơm bảo đảm trạng thái hoạt động tốt.
- Đóng cầu dao điện khi xe đến lấy nước.
- Định kì bảo dưỡng động cơ máy bơm, téc chứa nước, họng hút.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 29

Đơn vị tính: 100m³ nước

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT5.03.00	Công tác vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường	<u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,450

CHƯƠNG VI

CÔNG TÁC DUY TRÌ NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG

MT6.01.00 Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Dùng xẻng, chổi quét dọn trên phạm vi quản lý.
- Dội nước trên mặt bằng từng hố và máng tiểu (nếu có).
- Quét mạng nhện, dọn rác, phế thải xung quanh nhà vệ sinh công cộng và trên đường vào nhà vệ sinh.
- Vẩy thuốc sát trùng và dầu xả.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

Bảng số 30

Đơn vị tính: 1 hố/ca

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT6.01.00	Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng.	<u>Vật tư, vật liệu:</u>		
		- Vôi bột	kg	0,0500
		- Vôi nước	kg	0,3000
		- Dầu xả	kg	0,0005
		- Thuốc sát trùng	kg	0,0010
		<u>Nhân công:</u>		
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,150

MT6.02.00 Công tác thu dọn phân của nhà vệ sinh hai ngăn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Đưa xe đến địa điểm thu dọn, kiểm tra mặt bằng khu vực hố xí để bố trí đặt thùng cho thích hợp.
- Xác định độ đặc, loãng của phân để dùng đất độn.
- Dùng xà beng bẩy nắp để mức phân vào thùng, tránh rơi vãi. Dùng đất độn phủ lên mặt thùng tránh bốc mùi, gánh chuyển ra ô tô.
- Sau khi thu dọn, dùng vữa trát lại chỗ cạy, đảm bảo không để hở.
- Quét dọn vệ sinh sạch sẽ khu vực thu dọn phân.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

Bảng số 31

Đơn vị tính: 1 tấn phân

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT6.02.00	Công tác thu dọn phân của nhà vệ sinh hai ngăn.	<u>Vật tư, vật liệu:</u> <ul style="list-style-type: none">- Vôi nước- Cát đen- Xi măng- Đất độn <u>Nhân công:</u> Cấp bậc thợ bình quân 4/7	kg m3 kg tấn	2,2500 0,0080 0,7500 0,4000
		<u>Máy thi công:</u> - Ô tô tải trọng 1,5 tấn	công ca	9,450 1,95

MT6.03.00 Công tác thu dọn phân xí máy

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Đưa xe hút đến địa điểm thu dọn, kiểm tra mặt bằng khu vực hố xí để đặt ống hút cho thích hợp.
- Dùng xà beng cây lỗ thăm bể phốt, nếu không đủ thì đổ thêm nước, dùng cào đảo đều hỗn hợp phân đảm bảo độ loãng để bơm hút dễ dàng.
- Cho đầu ống hút của vòi bơm vào bể phốt và cho máy bơm chân không hoạt động, luôn di chuyển đầu vòi bơm trong bể phốt.
- Khi hút hết phân thì rửa vòi bơm và tháo vòi đặt vào xe.
- Trát vị trí đục lấy phân, kiểm tra phương tiện
- Quét dọn vệ sinh sạch sẽ khu vực thu dọn phân.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

Bảng số 32

Đơn vị tính: 1 tấn phân

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe	
				1,5 tấn	4,5 tấn
MT6.03.00	Công tác thu dọn phân xí máy	<u>Vật tư:</u>			
		- Vòi nước	kg	0,3100	0,3100
		- Cát đen	m ³	0,0009	0,0009
		- Xi măng	kg	0,1340	0,1340
		<u>Nhân công:</u>			
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,840	0,143
		<u>Máy thi công:</u>			
		- Ôtô hút phân	ca	0,167	0,060
				01	02

MỤC LỤC

Mã hiệu	Nội dung	Trang
Phần I	Thuyết minh và qui định áp dụng	1
Phần II	Định mức dự toán	3
Chương I	Công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công	3
MT1.01.00	Công tác gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công	3
MT1.02.00	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công	4
MT1.03.00	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công	5
MT1.04.00	Công tác tua vĩa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch	6
	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	
MT1.05.00	Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập	7
MT1.06.00	trung lên xe ô tô bằng thủ công	8
	Công tác xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công	
MT1.07.00		8
Chương II	Công tác thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt, phế thải xây dựng và rác y tế bằng cơ giới	9
MT2.01.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự li bình quân 10 km	9
MT2.02.00	Công tác thu gom sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	10
MT2.03.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và rác sinh hoạt tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 10 km	11
MT2.04.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và rác sinh hoạt tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	12
	Công tác thu gom rác sinh hoạt bằng xe tải chở thùng rác ép kín (hooklip) với cự li thu gom và vận chuyển bình quân 30 km	
MT2.05.00		13
MT2.06.00	Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt	14
MT2.07.00	Công tác thu gom, vận chuyển rác y tế, bệnh phẩm của các cơ sở y tế về khu xử lý với cự li bình quân 65 km	15

Mã hiệu	Nội dung	Trang
MT2.08.00	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ với cự li bình quân 10 km	16
MT2.09.00	Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới	17
MT2.10.00	Công tác xúc phế thải xây dựng tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới	18
MT2.11.00	Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe tải với cự li vận chuyển bình quân 20 km	19
MT2.12.00	Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải với cự li vận chuyển bình quân 20 km	20
MT2.13.00	Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương bằng cơ giới	21
Chương III	Công tác xử lý rác	22
MT3.01.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi < 500 tấn/ngày	22
MT3.02.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi từ 500 tấn/ngày đến 1.500 tấn/ngày	23
MT3.03.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi > 1.500 tấn/ngày	24
MT3.04.00	Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp với công suất bãi < 500 tấn/ngày	26
Chương IV	Công tác xử lý rác y tế	27
MT4.01.00	Công tác xử lý rác y tế, bệnh phẩm bằng lò gas	27
Chương V	Công tác quét đường phố và tưới nước rửa đường bằng cơ giới	28
MT5.01.00	Công tác quét đường phố bằng cơ giới	28
MT5.02.00	Công tác tưới nước rửa đường	29
MT5.03.00	Công tác vận hành hệ thống cung cấp nước tưới nước rửa đường	29
Chương VI	Công tác duy trì nhà vệ sinh công cộng	30
MT6.01.00	Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng	30
MT6.02.00	Công tác thu dọn phân của nhà vệ sinh hai ngăn	31
MT6.03.00	Công tác thu dọn phân xí máy	32
	Mục lục	33